

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 – 8 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị Lê Thị Chúc N, sinh năm: 1995; địa chỉ: Ấp NC, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp NC, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** N đơn chị Lê Thị Chúc N trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Chúc N và anh Phạm Văn H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NC vào ngày 24/11/2024. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, gia đình có hoà giải nhưng không được. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh H.

- Về con chung: Phạm Thị H1, sinh ngày 03/12/2015 và Phạm Chúc L, sinh ngày 25/01/2020. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi Chúc L, giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

**** Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn chị N

- Về con chung: Khi ly hôn anh H yêu cầu nuôi H con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Chúc N và anh Phạm Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Chúc N và anh Phạm Văn H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD vào ngày 24/11/2024 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N có yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không H1 phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay cháu H1 đang do anh H nuôi dưỡng còn cháu L đang do chị N nuôi dưỡng ổn định. Cháu H1 cũng có ý kiến sống cùng anh H. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu H1 cho anh H và giao cháu L cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng: Chị N và anh H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh H xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Chúc N, cho chị Lê Thị Chúc N được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Thị H1, sinh ngày 03/12/2015 cho anh Phạm Văn H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao Phạm Chúc L, sinh ngày 25/01/2020 cho chị Lê Thị Chúc N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Chị Lê Thị Chúc N và anh Phạm Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Chúc N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0011920 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị N và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT và THATAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung

